



Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC NÀ HỖ
THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	34	-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	2	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11 210	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	420	
VI	Tổng diện tích các phòng	3 000 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1360	1,56
2	Diện tích thư viện (m ²)	54	0,06
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	0,06
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	64	0,08
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	64	0,08
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	0,05
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	40	0,06
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9/34	
1.1	Khối lớp 1	05	
1.2	Khối lớp 2	04	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	2	
2.2	Khối lớp 2	3	
2.3	Khối lớp 3	7	
2.4	Khối lớp 4	7	
2.5	Khối lớp 5	6	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		41	21,1 học sinh/bộ		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		21	1,6 thiết bị/lớp		
1	Ti vi		9			
2	Cát xét		0			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		12			
5	Thiết bị khác...		0			
X	Nhà bếp	02 nhà				
XI	Nhà ăn	02 nhà 350 m ²				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	18/ 270 m ²	390	1,1		
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	6		20		0,05

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Nà Hỳ, ngày 31 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Mai Xuân Kiên